

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU
TĐTT HUYỆN BÌNH CHÁNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TỔ: SINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN: SINH HỌC – KHỐI 10 (Chương trình chuẩn)

I. HÌNH THỨC: 100% tự luận

II. NỘI DUNG:

1. Bài 19. Giảm phân (16% - 1 câu tự luận).
2. Chủ đề: Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở vi sinh vật (41% - 3 câu tự luận)
3. Chủ đề: Sinh trưởng và sinh sản của vi sinh vật (43% - 3 câu tự luận)

Duyệt của Ban Giám hiệu



Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- + BGH;
- + GV trong tổ;
- + Lưu hồ sơ CM.

SỞ GD & ĐT TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU
TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 2 – NĂM HỌC 2021- 2022
MÔN SINH HỌC LỚP 10, THỜI GIAN 45 PHÚT

Stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỉ lệ %
		NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO							
		Ch TN	Thời gian	Ch TL	Thời gian	Ch TN	Thời gian	Ch TL	Thời gian	Ch TN	Thời gian	Ch TL	Thời gian	Ch TN	Thời gian	Ch TL	Thời gian	Ch TN	Ch TL		
1	Giảm phân		0	0	0		0	0	0		0	1	7		0	0	0	0	1	7	16%
2	Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở vi sinh vật		0	1	5.5		0	1	6		0	1	7		0	0	0	0	3	18.5	41%
3	Sinh trưởng và sinh sản của vi sinh vật		0	1	5.5		0	1	6		0	0	0		0	1	8	0	3	19.5	43%
Tổng		0	0	2	11	0	0	2	12	0	0	2	14	0	0	1	8	0	7	45	100 %
Tỉ lệ		40%				30%				20%				10%							100 %
Tổng điểm		4				3				2				1							10



BẢNG ĐẶC TẢ
MÔN: SINH HỌC LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân bào	Giảm phân	Vận dụng: - So sánh được quá trình nguyên phân với quá trình giảm phân. - Giải thích được tại sao từ một tế bào sinh giao tử lại có thể tạo ra 4 tế bào con có số lượng NST giảm đi so với tế bào mẹ ban đầu.	0	0	1	0
2	Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở vi sinh vật	Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở vi sinh vật	Nhận biết: - Nêu được khái niệm vi sinh vật. - Liệt kê được các đặc điểm chung của vi sinh vật. - Gọi được tên các kiểu chuyển hoá vật chất và năng lượng ở vi sinh vật. - Nêu được hô hấp hiếu khí, hô hấp kỵ khí và lên men. Thông hiểu: - Phân biệt được các kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật. - Phân biệt được hô hấp hiếu khí, hô hấp kỵ khí và lên men. Vận dụng: - Giải thích được sự khác nhau giữa các kiểu dinh dưỡng ở các nhóm vi sinh vật.	1	1	1	0



TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		Sinh trưởng và sinh sản của vi sinh vật	Nhận biết: - Nêu được khái niệm sự sinh trưởng của vi sinh vật. - Nêu được đặc điểm chung của sự sinh trưởng ở vi sinh vật. - Nêu được khái niệm về nuôi cấy liên tục và nuôi cấy không liên tục. - Liệt kê được các pha của nuôi cấy liên tục và không liên tục. - Nêu được các hình thức sinh sản của vi sinh vật (nhân sơ và nhân thực). Thông hiểu: - Giải thích được khái niệm thời gian thế hệ. - Trình bày được đặc điểm các pha trong môi trường nuôi cấy không liên tục. Vận dụng: - Phân biệt được nuôi cấy liên tục với nuôi cấy không liên tục. - Giải thích được sự sinh trưởng của vi sinh vật trong điều kiện nuôi cấy liên tục và không liên tục. - Giải thích được sự cần thiết phải điều chỉnh lượng chất dinh dưỡng, chất độc hại cho phù hợp với số lượng vi sinh vật trong điều kiện nuôi cấy. Vận dụng cao: - Tính được số lượng vi sinh vật được tạo ra sau một khoảng thời gian xác định - Giải thích được một số hiện tượng thực tiễn trong bảo quản thực phẩm....	1	1		1

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tổng				2	2	2	1



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU
TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TỔ: SINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN: SINH HỌC – KHỐI 11 (Chương trình chuẩn)

I. HÌNH THỨC: 100% tự luận

II. NỘI DUNG:

1. Chủ đề: Sinh trưởng và phát triển ở thực vật (48% - 3 câu tự luận)
2. Chủ đề: Sinh trưởng và phát triển ở động vật (52% - 4 câu tự luận)

Duyệt của Ban Giám hiệu

Phó Hiệu trưởng



Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn

A handwritten signature in black ink.

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- + BGH;
- + GV trong tổ;
- + Lưu hồ sơ CM.



BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: SINH HỌC LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Sinh trưởng và phát triển ở TV	Hoocmôn thực vật và phát triển ở thực vật có hoa	Nhận biết: - Nêu được khái niệm sinh trưởng, phát triển, đặc điểm các loại mô phân sinh. - Trình bày sơ lược được kết quả sinh trưởng sơ cấp và thứ cấp. - Nêu được các đặc điểm chính của hoocmon thực vật. - Nêu được vai trò của từng chất điều hòa sinh trưởng và phát triển ở thực vật. - Nêu được các nhân tố chi phối sự ra hoa của thực vật. Thông hiểu: - Xác định được ảnh hưởng của các điều kiện môi trường tới sự sinh trưởng và phát triển ở thực vật. - Xác định được mối liên quan giữa sinh trưởng và phát triển ở thực vật. - Xác định được sự ra hoa là giai đoạn quan trọng của quá trình phát triển ở thực vật Hạt kín. Vận dụng: - Nêu được ứng dụng chất điều hoà sinh trưởng trong	2	1		



TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			sản xuất nông nghiệp. - Phân biệt được sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp. Vận dụng cao: - Giải thích và áp dụng các kiến thức sinh trưởng và phát triển trong trồng trọt và lĩnh vực đời sống.				
2	Sinh trưởng và phát triển ở động vật	Sinh trưởng và phát triển ở động vật; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng phát triển của động vật	Nhận biết: - Nêu được khái niệm sinh trưởng, phát triển ở động vật. - Nhận biết được hình thức phát triển không qua biến thái và qua biến thái. - Nhận biết được phát triển qua biến thái hoàn toàn và biến thái không hoàn toàn. - Nhận biết được nơi sản xuất và vai trò của một số hoocmôn ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật có xương sống Thông hiểu: - Xác định được mối liên quan giữa sinh trưởng và phát triển ở động vật. - Xác định được ảnh hưởng của hoocmôn đối với sự sinh trưởng và phát triển ở động vật có xương sống.	1	1	1	1

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Xác định được nguyên nhân gây ra một số bệnh do rối loạn nội tiết phổ biến. Vận dụng: - Giải thích được tác động của các nhân tố bên trong bên ngoài ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật. - Phân biệt được quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển qua biến thái và không qua biến thái của động vật. - Giải thích được cơ chế điều hoà sinh trưởng và phát triển. - Giải thích được nguyên nhân gây ra một số bệnh do rối loạn nội tiết phổ biến. Vận dụng cao: - Ứng dụng kiến thức phần sinh trưởng phát triển động vật vào khả năng điều khiển sinh trưởng và phát triển ở động vật và người (cải tạo vật nuôi, cải thiện dân số và kế hoạch hoá gia đình).				
Tổng				3	2	1	1



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU
TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH

TỔ: SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2021 - 2022

MÔN: SINH HỌC – KHỐI 12 - KHTN (Chương trình chuẩn)

I. HÌNH THỨC

70% trắc nghiệm và 30% tự luận

II. NỘI DUNG

Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái

- Khái niệm môi trường sống, phân loại, cho ví dụ.
- Khái niệm nhân tố sinh thái, phân loại, cho ví dụ.
- Khái niệm giới hạn sinh thái, khoảng thuận lợi, khoảng chống chịu, phân tích ví dụ.
- Khái niệm ổ sinh thái, cho ví dụ.

Bài 36: Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể

- Khái niệm quần thể, cho ví dụ.
- Mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể (Khái niệm, biểu hiện, vai trò).

Bài 37+38: Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật

- Tỷ lệ giới tính, nhóm tuổi.
- Sự phân bố cá thể của quần thể, mật độ cá thể của quần thể.
- Kích thước quần thể sinh vật, tăng trưởng của quần thể sinh vật.

Bài 39. Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật

- Biến động theo chu kỳ
- Biến động không theo chu kỳ

Bài 40. Quần xã sinh vật và một số đặc trưng cơ bản của quần xã

- Khái niệm quần xã
- Đặc trưng của quần xã
- Mối quan hệ giữa các loài sinh vật trong quần xã

Duyệt của Ban Giám hiệu
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H. BÌNH CHÁNH

Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn


Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- + BGH;
- + GV trong tổ;
- + Lưu hồ sơ CM.

TỔ: SINH



KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2021-2022

MÔN SINH HỌC – KHỐI 12 - THỜI GIAN 45 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																tổng số câu		Tổng thời gian	tỉ lệ %	
		NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO								
		ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	chTL			
1	Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể	3	2			2	2					1	4	1	2			6	1	10	25%	
2	Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật	2	1			3	3					1	4	1	2			6	1	9	20%	
3	Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật	3	2			2	3							1	2			5		7	20%	
4	Quần xã sinh vật và một số đặc trưng cơ bản của quần xã	3	3			2	2	1	4			1	4	1	2			6	2	15	25%	
5	Môi trường và các nhân tố sinh thái	3	2			2	2											5		4	10%	
tổng		14	10	0	0	11	12	1	4	0	0	2	15	4	12			28	4	45	100%	
tỉ lệ		40%				30%				20%				10%				70%	30%			
tổng điểm		4				3				2				1								10



BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2021-2022

MÔN SINH HỌC – KHỐI 12-KHTN

ST T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Cá thể và quần thể sinh vật	Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái	Nhận biết: - Nêu khái niệm môi trường sống - Phân loại môi trường sống - Nêu khái niệm nhân tố sinh thái - Phân loại nhân tố sinh thái - Nêu khái niệm giới hạn sinh thái, khoảng thuận lợi, khoảng chống chịu - Nêu khái niệm ổ sinh thái Thông hiểu: - Cho ví dụ và xác định được từng loại môi trường sống - Cho ví dụ và xác định được từng loại nhân tố sinh thái Vận dụng: - Phân tích biểu đồ giới hạn sinh thái cá rô phi về nhân tố nhiệt độ - Phân biệt ổ sinh thái và nơi ở Vận dụng cao: - Xác định được loài nào có giới hạn sinh thái rộng hơn dựa trên dữ liệu đề và ứng dụng	3	2		
		Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể	Nhận biết: - Nhận biết được khái niệm quần thể (về mặt sinh thái học). - Tái hiện được quá trình hình thành quần thể. - Nêu được các mối quan hệ sinh thái giữa các cá thể trong quần thể : quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh. Thông hiểu: - Xác định được tập hợp sinh vật nào là quần thể sinh vật. - Xác định được mối quan hệ trong quần thể thông qua các ví dụ cụ thể. Vận dụng cao: - Giải thích được các phương pháp đảm bảo mật độ cá thể trong chăn nuôi và trồng trọt.	3	2	1	1



2		Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật Nhận biết: - Biết được các đặc trưng của quần thể - Phát biểu được khái niệm tỉ lệ giới tính. - Đặc điểm của cấu trúc tuổi (tuổi sinh lí, tuổi sinh thái, tuổi quần thể) - Nêu được khái niệm mật độ cá thể của quần thể. Thông hiểu: - Phân biệt được các kiểu phân bố. - Phân biệt được quần thể với quần tụ ngẫu nhiên bằng các ví dụ cụ thể. - Phân biệt sự khác nhau giữa ba nhóm tuổi. - Hiểu được tác động của mật độ lên môi trường sống của quần thể. - Phân biệt được mật độ quần thể và kích thước quần thể. Vận dụng: - Phân tích về các kiểu phân bố qua các ví dụ minh họa. Vận dụng cao: - Giải thích được khi kích thước quần thể dưới mức tối thiểu quần thể dễ rơi vào diệt vong.	2	3	1	1
		Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật Nhận biết: - Nêu được khái niệm về biến động số lượng. - Biết được các kiểu biến động số lượng cá thể của quần thể. Thông hiểu - Phân biệt được biến động theo chu kì và biến động không theo chu kì. - Xác định được kiểu biến động số lượng thông qua ví dụ cụ thể. - Trình bày được nguyên nhân tác động đến biến động số lượng cá thể trong quần thể. Vận dụng cao: - Giải thích được được các vấn đề liên quan sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường. - Vai trò của con người đến sự biến động số lượng cá thể của các quần thể sinh vật.	3	2		1
	Quần xã sinh vật	Quần xã sinh vật và các đặc trưng cơ bản của quần xã Nhận biết: - Nêu (tái hiện) được định nghĩa quần xã sinh vật. - Liệt kê được các đặc trưng cơ bản của quần xã. - Nêu (tái hiện) được khái niệm đặc trưng về thành phần loài; Đặc trưng về phân bố không gian (theo chiều ngang, theo chiều thẳng đứng). - Nhận biết khái niệm khống chế sinh học. Thông hiểu: - Phân biệt được mối quan hệ trong quần xã: quan hệ hỗ trợ (cộng sinh, hội sinh, hợp tác)	3	2	1	1

		và đối kháng (cạnh tranh, kí sinh, ức chế - cảm nhiễm, sinh vật ăn sinh vật) - đưa ra được các ví dụ cụ thể minh họa cho từng mối quan hệ giữa các loài - Xác định được mối quan hệ trong quần xã thông qua các ví dụ cụ thể. Vận dụng: - Phân biệt được sự khác nhau giữa quần thể và quần xã. Trình bày được các ví dụ về cộng sinh, hội sinh, hợp tác; cạnh tranh, kí sinh, ức chế cảm nhiễm, sinh vật ăn sinh vật. - Phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa quan hệ hỗ trợ và quan hệ đối kháng trong quần xã. Vận dụng cao: - Phân biệt được mối quan hệ khác nhau trong quần thể và quần xã. (Ví dụ: Loài các kí sinh đồng loại <i>Edriolychnus schmidtii</i>)				
--	--	---	--	--	--	--



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU
TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH

TỔ: SINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2021 - 2022

MÔN: SINH HỌC – KHỐI 12 - KHXH (Chương trình chuẩn)

I. HÌNH THỨC

70% trắc nghiệm và 30% tự luận

II. NỘI DUNG

Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái

- Khái niệm môi trường sống, phân loại, cho ví dụ.
- Khái niệm nhân tố sinh thái, phân loại, cho ví dụ.
- Khái niệm giới hạn sinh thái, khoảng thuận lợi, khoảng chống chịu, phân tích ví dụ.
- Khái niệm ổ sinh thái, cho ví dụ.

Bài 36: Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể

- Khái niệm quần thể, cho ví dụ.
- Mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể.
- + Quan hệ hỗ trợ (Khái niệm, biểu hiện, vai trò).
- + Quan hệ cạnh tranh (Khái niệm, ý nghĩa).

Bài 37+38: Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật

- Tỷ lệ giới tính.
- Nhóm tuổi.
- Sự phân bố cá thể của quần thể.
- Mật độ cá thể của quần thể.
- Kích thước quần thể sinh vật.
- Tăng trưởng của quần thể sinh vật.
- Tăng trưởng của quần thể người.

Duyệt của Ban Giám hiệu

Phó Hiệu trưởng


Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn


Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- + BGH;
- + GV trong tổ;
- + Lưu hồ sơ CM.

SỞ GD & ĐT TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU
TDTT HUYỆN BÌNH CHÁNH



KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2021-2022
MÔN SINH HỌC – KHỐI 12 (KHXX) - THỜI GIAN 45 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỉ lệ %	
		NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO								
		ch TN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	chT L			
1	Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái	4	3		-	2	2		-	2	3	1	5	1	2.5		-	9	1	15,5	34,44%	
2	Bài 36: Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể	3	2		-	4	4	1	4	1	2		-	1	2.5		-	9	1	14,5	32,22%	
3	Bài 37+38: Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật	3	2	1	2	3	3		-	2	3		-	2	5		-	10	1	15	33,34%	
Tổng		10	7	1	2	9	9	1	4	5	8	1	5	4	10	0	0	28	3	45	100%	
Tỉ lệ		40%				30%				20%				10%								100%
Tổng điểm		4				3				2				1								10



BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2021-2022
MÔN SINH HỌC – KHỐI 12 (KHXH)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	SINH THÁI HỌC Chương I: Cá thể và quần thể sinh vật	Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái	Nhận biết: - Nêu khái niệm môi trường sống - Phân loại môi trường sống - Nêu khái niệm nhân tố sinh thái - Phân loại nhân tố sinh thái - Nêu khái niệm giới hạn sinh thái, khoảng thuận lợi, khoảng chống chịu - Nêu khái niệm ổ sinh thái Thông hiểu: - Cho ví dụ và xác định được từng loại môi trường sống - Cho ví dụ và xác định được từng loại nhân tố sinh thái Vận dụng: - Phân tích biểu đồ giới hạn sinh thái cá rô phi về nhân tố nhiệt độ - Phân biệt ổ sinh thái và nơi ở Vận dụng cao: - Xác định được loài nào có giới hạn sinh thái rộng hơn dựa trên dữ liệu đề và ứng dụng	4	3	2	1
2		Bài 36: Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể	Nhận biết: - Nêu khái niệm quần thể - Cho ví dụ về quần thể sinh vật trong tự nhiên Thông hiểu: - Xác định được tập hợp nào là quần thể - Trình bày được biểu hiện, ý nghĩa của một số mối quan hệ hỗ trợ, cạnh tranh trong quần thể Vận dụng và vận dụng cao: - Ứng dụng kiến thức mối quan hệ giữa cá thể trong quần thể trong bảo tồn quần thể sinh vật hiếm, quý	3	5	1	1

3		Bài 37+38: Các đặc trung cơ bản của quần thể sinh vật	Nhận biết: - Nêu khái niệm tỉ lệ giới tính - Nêu khái niệm tuổi sinh lý, tuổi sinh thái, tuổi quần thể - Nêu khái niệm mật độ cá thể của quần thể - Nêu khái niệm kích thước quần thể Thông hiểu: - Xác định tỉ lệ giới tính ở một số loài động vật và nguyên nhân - Phân tích được các dạng tháp tuổi và ý nghĩa - Phân biệt kích thước tối thiểu và kích thước tối đa của quần thể sinh vật - Xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến kích thước quần thể - Phân biệt tăng trưởng quần thể trong điều kiện môi trường lí tưởng và điều kiện môi trường bị giới hạn Vận dụng - Bài tập tính mật độ cá thể quần thể - Bài tập các nhân tố ảnh hưởng đến kích thước quần thể - Giải thích sự tăng trưởng theo đường cong hình chữ S Vận dụng cao - Nghiên cứu về nhóm tuổi giúp bảo vệ và khai thác tài nguyên sinh vật hiệu quả hơn - Ứng dụng bảo tồn một số loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. - Hậu quả gia tăng dân số	4	3	2	2
---	--	--	--	---	---	---	---

TỜ: SINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 4 năm 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II- NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN: TRỒNG TRỌT – KHỐI 11 (Chương trình chuẩn)

I. HÌNH THỨC: 100% trắc nghiệm

II. NỘI DUNG

Chủ đề: Cây lúa

- Khái quát về đời sống cây lúa
- Thời kì tăng trưởng và sinh sản của cây lúa
- Đặc điểm kĩ thuật trồng vụ lúa Mùa
- Đặc điểm kĩ thuật trồng vụ lúa Đông Xuân
- Đặc điểm kĩ thuật trồng vụ lúa Hè Thu
- Sâu hại lúa và biện pháp phòng trừ
- Bệnh hại lúa và biện pháp phòng trừ
- Xử lí hạt giống bằng nước ấm

Chủ đề: Cây Mía

- Giá trị kinh tế của cây Mía
- Đặc tính thực vật của cây Mía
- Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây Mía
- Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Mía
- Biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại mía

Duyệt của Ban Giám hiệu

Phó Hiệu trưởng



Trần Thị Huyền Trang

Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- + BGH ;
- + GV trong tổ ;
- + Lưu hồ sơ CM.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT
HUYỆN BÌNH CHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II - NĂM HỌC 2021-2022

MÔN: NGHỀ TRỒNG TRỌT LỚP 11, THỜI GIAN 45 PHÚT

ST T	NỘI DUNG KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng g thời gian	Tỉ lệ %	
		NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO								
		ch T N	Thờ i gian	ch T L	Thờ i gian	ch T N	Thờ i gian	ch T L	Thờ i gian	ch T N	Thờ i gian	ch T L	Thờ i gian	ch T N	Thờ i gian	ch T L	Thờ i gian	ch T N	ch T L			
1	Cây lúa	10	7.5		-	7	7.0		-	5	7.5	0	-	2	4.5		-	25	0	27	62.5%	
2	Cây mía	6	4.5		-	5	5.0		-	3	4.5	0	-	2	4.5		-	15	0	19	37.5%	
3			-		-		-		-		-		-		-		-	0	0	-		
4			-		-		-		-		-		-		-		-	0	0	-		
5			-		-		-		-		-		-		-		-	0	0	-		
Tổng		16	12	0	0	12	12	0	0	8	12	0	0	4	9	0	0	40	0	45	100%	
Tỉ lệ		40%				30%				20%				10%								100%
Tổng điểm		4				3				2				1								10



STT	Nội dung kiến thức	Nội dung ôn tập	Yêu cầu cần đạt
1	Cây Lúa	Cây lúa	Nhận biết - Nêu được khái quát về đặc điểm đời sống cây lúa - Nêu được các thời kì tăng trưởng và sinh sản của cây lúa - Nêu được các kĩ thuật canh tác đối với từng mùa vụ của lúa: lúa Mùa, Đông Xuân, Hè Thu Thông hiểu: - Phân biệt được thời gian, đặc điểm và các biện pháp kĩ thuật của các vụ lúa Mùa, Đông Xuân, Hè Thu - Ưu và nhược điểm của biện pháp kĩ thuật chăm sóc cây Mía - Giải thích được các giai đoạn sinh trưởng (giai đoạn 2 lá mầm, 3 lá mầm..) giai đoạn phát triển của lúa (làm đồng, trổ bông, phơi màu vào chắt và chín..) Vận dụng: - Vận dụng các biện pháp kĩ thuật canh tác áp dụng cho cây Lúa - Nhận dạng được các loại sâu bệnh hại lúa, bệnh hại lúa thông qua miêu tả và hình ảnh Vận dụng cao: - Vận dụng các biện pháp kĩ thuật canh tác áp dụng cho từng loại lúa Mùa, Đông Xuân, Hè Thu - Vận dụng các biện pháp tiêu diệt Sâu bệnh hại lúa
2	Cây mía	Cây mía	Nhận biết - Nêu được khái quát về đặc điểm đời sống và giá trị cây mía - Nêu được các thời kì tăng trưởng và sinh sản của cây mía - Nêu được các kĩ thuật canh tác đối với cây Mía Thông hiểu: - Phân biệt được thời gian, đặc điểm và các biện pháp kĩ thuật của cây mía - Giải thích được các giai đoạn sinh trưởng giai đoạn phát triển của Mía Vận dụng: - Vận dụng các biện pháp kĩ thuật canh tác áp dụng cho cây Mía

			- Nhận dạng được các loại sâu bệnh hại mía, bệnh hại lúa thông qua miêu tả và hình ảnh Vận dụng cao: - Vận dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác thu hoạch áp dụng cho cây mía - Vận dụng các biện pháp tiêu diệt Sâu bệnh hại Mía
--	--	--	--

